

KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2012/QĐ-KTNN

Hà Nội, ngày 04 tháng 4 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy trình kiểm toán Dự án đầu tư xây dựng công trình**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Luật Kiểm toán nhà nước;

Căn cứ Luật Xây dựng;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2008;

Căn cứ Quyết định số 02/2008/QĐ-KTNN ngày 15/02/2008 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 02/2009/QĐ-KTNN ngày 07/4/2009 của Tổng Kiểm toán Nhà nước về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế soạn thảo, thẩm định và ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Kiểm toán Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 04/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng Kiểm toán Nhà nước ban hành Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước;

Xét đề nghị của Kiểm toán trưởng Kiểm toán Nhà nước chuyên ngành IV, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Vụ trưởng Vụ Chế độ và Kiểm soát chất lượng kiểm toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy trình kiểm toán Dự án đầu tư xây dựng công trình.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 05/2007/QĐ-KTNN ngày 02/8/2007 của Tổng KTNN ban hành Quy trình kiểm toán Dự án đầu tư.

Điều 3. Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Kiểm toán Nhà nước, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TỔNG KIỂM TOÁN NHÀ NƯỚC**Đinh Tiến Dũng**

QUY TRÌNH KIỂM TOÁN
DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH
(Ban hành kèm theo Quyết định số 03/2012/QĐ-KTNN
ngày 04 tháng 4 năm 2012 của Tổng Kiểm toán Nhà nước)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng áp dụng

Quy trình kiểm toán dự án đầu tư xây dựng công trình (sau đây gọi tắt là dự án đầu tư) được áp dụng đối với các cuộc kiểm toán dự án đầu tư do Kiểm toán Nhà nước thực hiện. Khi thực hiện kiểm toán dự án đầu tư, Đoàn kiểm toán, thành viên đoàn kiểm toán và các cá nhân, đơn vị có liên quan phải tuân thủ các quy định tại Quy trình kiểm toán của Kiểm toán Nhà nước và các quy định tại Quy trình này.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy trình kiểm toán dự án đầu tư quy định trình tự, nội dung, thủ tục tiến hành các bước công việc của cuộc kiểm toán dự án đầu tư, bao gồm các bước:

- a) Chuẩn bị kiểm toán;
- b) Thực hiện kiểm toán;
- c) Lập và gửi báo cáo kiểm toán;
- d) Kiểm tra việc thực hiện kết luận, kiến nghị kiểm toán.

2. Tùy theo đặc điểm, tính chất của từng cuộc kiểm toán có thể áp dụng một, hai hoặc cả ba loại hình kiểm toán như: Kiểm toán báo cáo tài chính; Kiểm toán tuân thủ; Kiểm toán hoạt động.

Chương II
CHUẨN BỊ KIỂM TOÁN

Mục 1

KHẢO SÁT, THU THẬP THÔNG TIN VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ
VÀ ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Điều 3. Thu thập thông tin

1. Những thông tin về dự án đầu tư cần thu thập bao gồm:

- a) Sự cần thiết của dự án đầu tư; mục đích đầu tư; quy mô công trình; địa điểm xây dựng; thời gian khởi công, hoàn thành dự án đầu tư theo kế hoạch và thực tế;
- b) Chủ đầu tư; cơ quan cấp trên của chủ đầu tư; cấp quyết định đầu tư; các đơn vị tư vấn; các đơn vị nhận thầu xây lắp và cung cấp thiết bị;

c) Tổng mức đầu tư (tổng số, cơ quan lập, thẩm định và phê duyệt dự án, số lần điều chỉnh - nếu có); nguồn vốn đầu tư được duyệt (ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn vốn vay, huy động khác...); Dự toán xây dựng công trình (tổng số, cơ quan lập, thẩm định và phê duyệt); Giá gói thầu, giá trúng thầu được duyệt, số lần điều chỉnh giá gói thầu;

d) Hình thức quản lý dự án (Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án; thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án);

đ) Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói, hợp đồng theo đơn giá cố định, hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh, hợp đồng theo thời gian, hợp đồng theo tỷ lệ %; hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi, đấu thầu hạn chế, chỉ định thầu, tự thực hiện, chào hàng cạnh tranh...

e) Báo cáo quyết toán: Báo cáo quyết toán dự án hoàn thành, báo cáo vốn đầu tư thực hiện theo niên độ năm (đối với dự án đang thực hiện);

g) Vốn đầu tư thực hiện: Tổng số, chi phí xây lắp, chi phí thiết bị, chi phí bồi thường hỗ trợ và tái định cư, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn, chi phí khác; Vốn đầu tư đã cấp, tình hình tạm ứng, thanh toán từ khởi công đến khi hoàn thành bàn giao hoặc đến thời điểm khảo sát (tổng số, xây lắp, thiết bị, chi phí khác...);

h) Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Đơn vị thực hiện, hình thức quản lý; nguồn kinh phí; giá trị theo quyết định phê duyệt; đã chi trả; nội dung bồi thường, hỗ trợ các hộ dân, di dời công trình, tái định cư, tổ chức thực hiện...

i) Tình hình lập và lưu giữ hồ sơ của dự án trong quá trình thực hiện, lập và lưu giữ hồ sơ hoàn công;

k) Hệ thống văn bản pháp lý liên quan tới việc chuẩn bị, tổ chức, điều hành, quản lý, thực hiện dự án;

l) Tình hình thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trước đó.

2. Thông tin về hệ thống kiểm soát nội bộ

a) Môi trường kiểm soát nội bộ: Cơ cấu tổ chức bộ máy hoạt động, tổ chức bộ máy kiểm soát, chức năng nhiệm vụ, năng lực quản lý của Ban quản lý dự án và các bộ phận nghiệp vụ như kỹ thuật, kế hoạch, tài chính kế toán... ; đặc điểm của Ban quản lý dự án; hình thức quản lý dự án; khó khăn, thuận lợi do khách quan, chủ quan có liên quan đến dự án; chính sách, quy chế quản lý nội bộ của đơn vị về giám sát kỹ thuật thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán; tài chính, kế toán...; công tác giám sát của nhân dân; đơn vị tư vấn; các đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư.

b) Hoạt động kiểm soát và các thủ tục kiểm soát.

Việc thực hiện các quy chế quản lý trong các khâu: Giám sát kỹ thuật thi công, nghiệm thu, thanh quyết toán; tài chính, kế toán...

c) Công tác kế toán: Chế độ kế toán áp dụng; tổ chức bộ máy kế toán; tổ chức hạch toán kế toán (hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ kế toán và báo cáo kế toán).

d) Kiểm toán, thanh tra và kiểm tra nội bộ: Các thông tin thu thập từ kết quả kiểm toán, thanh tra và kiểm tra nội bộ; kết quả thực hiện và xử lý theo các kết luận, kiến nghị kiểm toán, thanh tra và kiểm tra nội bộ.

3. Đối với dự án đầu tư kiểm toán thường xuyên, chỉ tiến hành khảo sát thu thập thông tin lần đầu, các đợt kiểm toán tiếp theo nếu có thêm thông tin thì bổ sung.

Điều 4. Nguồn thông tin và phương pháp thu thập thông tin

1. Thông tin từ đơn vị quản lý dự án

a) Thu thập thông tin qua nghiên cứu tài liệu:

Hồ sơ thủ tục đầu tư (Văn bản thẩm định phê duyệt dự án; thiết kế, dự toán xây dựng công trình; kế hoạch và quyết định giao thầu; biên bản nghiệm thu, tổng nghiệm thu công trình; báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; báo cáo thẩm tra quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành; quyết định phê duyệt Báo cáo quyết toán vốn đầu tư dự án hoàn thành của cấp có thẩm quyền; các văn đề về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư...); các báo cáo kế toán, thống kê theo quy định của Nhà nước; quyết định về tổ chức bộ máy quản lý dự án; các văn bản hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền liên quan đến việc tổ chức thực hiện dự án; hiệp định vay vốn và những quy định, hướng dẫn của nhà tài trợ liên quan đến quản lý, sử dụng vốn vay (nếu có); các văn bản trao đổi giữa các bên tham gia quản lý, thực hiện dự án; các báo cáo thanh tra, kiểm tra, kiểm toán những năm trước (nếu có).

b) Thông tin từ tập thể và cá nhân tham gia dự án.

c) Thông tin từ báo cáo của đơn vị về tình hình thực hiện dự án.

2. Thông tin từ bên ngoài đơn vị quản lý dự án (trong trường hợp cần thiết và nếu đơn vị quản lý dự án không thể cung cấp đủ thông tin lập kế hoạch kiểm toán)

a) Cơ quan chủ quản: thông tin về nguồn vốn, vốn đầu tư thực hiện, cơ chế quản lý của cơ quan chủ quản;

b) Cơ quan cấp phát vốn, tình hình thanh toán giải ngân tại Kho bạc Nhà nước;

c) Cơ quan đã tiến hành thanh tra, kiểm tra, kiểm toán trước đó: các báo cáo, biên bản kết luận;

d) Các phương tiện thông tin đại chúng: các bài viết về dự án; các tư liệu khác;

đ) Các đơn vị khác (nếu có).

3. Phương pháp thu thập thông tin

a) Gửi văn bản đề nghị đơn vị quản lý dự án cung cấp thông tin, tài liệu theo đề cương khảo sát.

b) Thu thập và đánh giá tài liệu từ đơn vị quản lý dự án và bên ngoài đơn vị quản lý dự án.

c) Cập nhật và đánh giá tài liệu của các lần kiểm toán trước.

d) Phỏng vấn, trao đổi trực tiếp.

đ) Quan sát, thực nghiệm.

Mục 2**ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN THU THẬP ĐƯỢC VÀ HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ CỦA ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TOÁN, XÁC ĐỊNH TRỌNG TÂM VÀ RỦI RO KIỂM TOÁN****Điều 5. Đánh giá thông tin thu thập được và hệ thống kiểm soát nội bộ**

1. Đặc điểm của Ban quản lý dự án: Thời gian thành lập, kinh nghiệm quản lý dự án; ban chuyên trách hay kiêm nhiệm.
2. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án hay thuê tổ chức tư vấn quản lý dự án.
3. Phân công, phân cấp chức năng và nhiệm vụ giữa các bộ phận trong đơn vị: Có đảm bảo rõ ràng, hợp lý, không chồng chéo và có thể kiểm soát lẫn nhau.
4. Trình độ, năng lực của cán bộ quản lý (có đáp ứng được yêu cầu công việc).
5. Các chính sách và quy chế quản lý của đơn vị.
6. Đánh giá các đơn vị tư vấn: Năng lực, kinh nghiệm, uy tín.
7. Đánh giá các đơn vị thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: Năng lực thực hiện.
8. Những khó khăn, thuận lợi; nguyên nhân khách quan, chủ quan có liên quan đến dự án.

Điều 6. Xác định trọng tâm kiểm toán

1. Căn cứ vào quy mô, tính chất, đặc điểm của từng dự án để xác định trọng tâm kiểm toán nhằm đảm bảo mục tiêu đánh giá dự án về: Thủ tục đầu tư; tiến độ; chất lượng và giá.
2. Trọng tâm kiểm toán dự án đầu tư được xác định theo từng nội dung kiểm toán và lựa chọn trong các nội dung kiểm toán như:
 - a) Việc tuân thủ trình tự thủ tục đầu tư;
 - b) Công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;
 - c) Xây lắp, thiết bị;
 - d) Chi phí tư vấn, chi phí quản lý dự án và chi phí khác;
 - đ) Tính kinh tế, hiệu lực, hiệu quả;
 - e) Những vấn đề khác (nếu có).

Điều 7. Xác định rủi ro kiểm toán

1. Những vấn đề có rủi ro tiềm tàng cao đối với dự án đầu tư
 - a) Những khối lượng xây lắp của bộ phận, hạng mục công trình dễ xảy ra gian lận, sai sót (khối lượng, hạng mục ngầm, bị che khuất...);